

**ĐẠI SỨ QUÁN
NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM
TẠI MA-LAI-XI-A**

HƯỚNG DẪN THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY MIỄN THỊ THỰC

1. Đối tượng được cấp Giấy miễn thị thực

- Người Việt Nam định cư ở nước ngoài;
- Người nước ngoài là vợ, chồng, con của công dân Việt Nam hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài;
- Mang hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ thay hộ chiếu nước ngoài (dưới đây gọi tắt là hộ chiếu) còn giá trị ít nhất 1 năm, có nhu cầu nhập cảnh Việt Nam để thăm thân, giải quyết việc riêng.

2. Đối tượng không được cấp Giấy miễn thị thực

- Không đáp ứng các điều kiện để cấp giấy miễn thị thực.
- Thuộc các trường hợp chưa được cho nhập cảnh và tạm hoãn xuất cảnh theo quy định tại Điều 21 và Điều 28 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.
- Trường hợp trước đây đã được cấp giấy miễn thị thực nhưng nay không thuộc đối tượng được cấp giấy miễn thị thực, thì bị thu hồi, hủy bỏ giấy miễn thị thực

3. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy miễn thị thực lần đầu/Dossier of application for issuance of visa exemption certificate

a. 01 Tờ khai đề nghị cấp Giấy miễn thị thực (mẫu NA9) kèm 02 ảnh mới chụp, cỡ 4x6cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, đầu để trần, không đeo kính màu (01 ảnh dán vào tờ khai, 01 ảnh để rời)

b. Bản gốc (kèm 01 bản chụp để lưu hồ sơ) hộ chiếu/giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế/ giấy tờ cho phép thường trú do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài (NVNĐCONN) còn giá trị ít nhất 01 năm.

c. NVNĐCONN: bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu 01 trong các giấy tờ sau đây: Giấy khai sinh, quyết định cho thôi quốc tịch Việt Nam hoặc giấy xác nhận mất quốc tịch Việt Nam, giấy tờ khác có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc có giá trị chứng minh quốc tịch Việt Nam trước đây (giấy khai sinh, giấy chứng minh nhân dân, căn cước công dân, hộ chiếu Việt Nam trước đây, Sổ hộ khẩu, thẻ cử tri...);

d. Người nước ngoài **nộp thêm** bản sao chứng thực từ bản chính hoặc bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu giấy tờ chứng minh là vợ, chồng, con của công dân Việt Nam hoặc của NVNĐCONN (giấy đăng ký kết hôn, giấy khai sinh, giấy xác nhận cha mẹ con, quyết định nuôi con nuôi hoặc giấy tờ khác chứng minh quan hệ cha, mẹ, con);

4. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy miễn thị thực/Dossier of application for reissuance of visa exemption certificate

- Giấy tờ nêu tại mục 3 a, b và c nêu trên
- Giấy miễn thị thực cũ. Trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung trong giấy miễn thị thực, nộp thêm bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu giấy tờ chứng minh nội dung cần điều chỉnh.

5. Trong mọi trường hợp, kể cả đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Giấy miễn thị thực chỉ được cấp trên cơ sở ý kiến đồng ý của Cục Quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an (Nghị định số 82/2015/NĐ-CP ngày 24/09/2015 của Chính phủ). Giấy miễn thị thực có thời hạn tối đa 05 năm và ngắn hơn thời hạn còn giá trị của hộ chiếu ít nhất 06 tháng.

6. Người nhập cảnh Việt Nam bằng Giấy miễn thị thực, được cấp chứng nhận tạm trú 06 tháng cho mỗi lần nhập cảnh; nếu giấy miễn thị thực còn thời hạn dưới 06 tháng thì được cấp chứng nhận tạm trú bằng thời hạn của giấy miễn thị thực.

Trường hợp có nhu cầu ở lại quá 06 tháng, được cơ quan, tổ chức, cá nhân tại Việt Nam bảo lãnh và có lý do chính đáng thì được xem xét, giải quyết gia hạn tạm trú, không quá 06 tháng tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh hoặc Phòng Quản lý xuất nhập cảnh công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tạm trú.